

Kiểm toán tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ

II TS. NGUYỄN THẾ LỘC
(Đại học Kinh tế TP.HCM)

Sự sụp đổ của các tập đoàn đa quốc gia như Enron, Worldcom... trong những năm đầu thế kỷ 21 cũng như sự phá sản của các tập đoàn tài chính như Lehman Brothers, Washington Mutual... trong thời gian gần đây đã làm mất lòng tin của các nhà đầu tư về hệ thống quản trị doanh nghiệp và tạo ra yêu cầu cấp thiết về dịch vụ đánh giá độ tin cậy của hệ thống quản trị cũng như tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các công ty niêm yết.

Báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ban Giám đốc Hệ thống kiểm soát nội bộ, một bộ phận không thể thiếu của hệ thống quản trị doanh nghiệp, đã và đang trở nên một vấn đề được nhiều nhà đầu tư quan tâm sau hàng loạt vụ bê bối tài chính dẫn đến sự phá sản của các công ty trên toàn thế giới. Nhiều ý kiến của các nhà chuyên môn cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến sự sụp đổ của các công ty là khởi nguồn từ sự yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ. Điều này đã được chứng minh qua bản báo cáo của ủy ban hỗ trợ các kế toán viên chuyên

ngiệp tại doanh nghiệp (PAIB)1 thuộc Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC)2 được công bố năm 2004 nhằm phân tích các yếu tố chính dẫn đến sự sụp đổ của các tập đoàn đa quốc gia. Bản báo cáo đưa ra các yếu tố bao gồm:

- Văn hóa phi đạo đức và chấp nhận rủi ro cao của các nhà quản lý đứng đầu tổ chức (trường hợp Enron và Worldcom tại Mỹ hay France Telecom tại Pháp),
- Tổng giám đốc có quyền lực và ảnh hưởng chi phối hoàn toàn Hội đồng quản trị và các thành viên khác (trường hợp HIH tại Úc và Ahold tại Hà Lan),
- Hội đồng quản trị thất bại trong việc áp dụng phân biệt độc lập đối với đại diện của ban giám

đốc (trường hợp Vivendi tại Pháp, Worldcom tại Mỹ và HIH tại Úc),

- Hệ thống khen thưởng quá mức dựa trên lợi nhuận (trường hợp Enron tại Mỹ và HIH tại Úc),
- Hệ thống kiểm soát nội bộ và tiến trình đánh giá rủi ro không hữu hiệu (trường hợp Enron và Xerox tại Mỹ, Cable & Wireless tại Anh).

Đứng trước vấn đề này, nhiều quy định mới mang tính pháp lý đã được ban hành tại các quốc gia nhằm tăng cường độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến báo cáo tài chính. Một trong những quy định này là đạo luật Sarbanes-Oxley năm 2002 tại Mỹ, với yêu cầu bắt buộc các công ty niêm yết cần phải lập báo cáo của ban giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ. Điều khoản 404 của đạo luật Sarbanes-Oxley yêu cầu:

- “- Báo cáo thường niên phải bao gồm đánh giá của ban giám đốc về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong mối liên quan đến báo cáo tài chính.
- Kiểm toán viên phải xác nhận và báo cáo về ý kiến đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của ban giám đốc.”

Đạo luật này đã được nhiều quốc gia xem như một “chuẩn mực” quốc tế về yêu cầu tính



tuân thủ và trách nhiệm của ban giám đốc liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ. Sự thay đổi này cho thấy Chính phủ Mỹ và nhiều quốc gia khác đang có các yêu cầu nghiêm ngặt hơn về hệ thống báo cáo cũng như sự đảm bảo mang tính pháp lý cần có về hệ thống kiểm soát nội bộ của các công ty niêm yết.

Yêu cầu cung cấp một báo cáo về mức độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ không chỉ là yêu cầu mang tính pháp lý nhằm bảo đảm một môi trường kinh doanh minh bạch mà còn là đòi hỏi chính đáng của các nhà đầu tư để đánh giá trách nhiệm các nhà quản lý trong quản trị doanh nghiệp, cụ thể là việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu. Bên cạnh đó, đây cũng là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá năng lực của các nhà quản lý và thúc đẩy họ duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu.

Tiêu chuẩn đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ

Vấn đề quan trọng của dịch vụ kiểm toán (thuộc dịch vụ đảm bảo) về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ là các kiểm toán viên sẽ dựa trên tiêu chuẩn nào để đánh giá sự thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ. Các tiêu chuẩn đánh giá được chuẩn mực quốc tế về dịch vụ đảm bảo chấp nhận là các tiêu chuẩn được quy định bởi pháp luật, chuẩn mực kiểm toán hoặc các tiêu chuẩn đánh giá được thiết kế bởi nhà quản lý, chuyên gia cung cấp dịch vụ, hoặc người sử dụng cho mục đích đặc biệt.

Các mô hình hệ thống kiểm soát nội bộ đã được phát triển trong những năm qua, chẳng hạn như “Kiểm soát nội bộ- Mô hình hợp nhất” theo Ủy ban hỗ trợ các tổ chức thuộc Hội đồng quốc gia về chống gian lận trên báo cáo tài chính Hoa kỳ (COSO - 1992), “Hướng dẫn về kiểm soát” của Viện kế toán viên công chứng Canada (CoCo - 1995), “Kiểm

soát nội bộ- Những hướng dẫn cho Ban giám đốc về hệ thống” của Viện kế toán công chứng Anh và xứ Wales (Turnbull - 1999),...

Đến nay, mặc dù vẫn chưa có mô hình chuẩn để áp dụng cho mọi dịch vụ kiểm toán về hệ thống kiểm soát nội bộ, nhưng tiêu chuẩn thích hợp thường được sử dụng cho các hợp đồng dịch vụ kiểm toán về hệ thống kiểm soát nội bộ là mô hình COSO 1992.

►► Hệ thống kiểm soát nội bộ theo COSO (1992)

Mô hình này được công bố bởi COSO3, một ủy ban hỗ trợ các tổ chức thuộc Hội đồng quốc gia về chống gian lận trên báo cáo tài chính (NCFRR)4 của Mỹ và được nhiều công ty của Mỹ chọn lựa làm tiêu chuẩn để thực hiện đánh giá theo quy định của điều khoản 404, đạo luật Sarbanes Oxley.

Theo COSO 1992, “Hệ thống kiểm soát nội bộ là một quá trình, bị chi phối bởi hội đồng quản trị, ban quản lý và các nhân viên của đơn vị, được thiết kế để cung cấp sự đảm bảo quản lý nhằm đạt được các mục tiêu:

- + Tính hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động,
- + Tính đáng tin cậy của báo cáo tài chính,
- + Tính tuân thủ các luật lệ và quy định.”

Hệ thống kiểm soát nội bộ theo mô hình COSO 1992 bao gồm 5 (năm) bộ phận:

- + Môi trường kiểm soát: là nền tảng của hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm con người của tổ chức và môi trường làm việc. Môi trường kiểm soát phản ánh đặc tính của một tổ chức bao gồm tinh thần chính trực, giá trị đạo đức và năng lực của thành viên trong tổ chức; triết lý quản lý và phong cách điều hành; cách thức mà ban quản lý phân định quyền hạn và trách nhiệm; tổ chức và phát triển nhân sự; và mối quan tâm cũng như sự giám sát của hội đồng quản trị.

- + Đánh giá rủi ro: là việc thiết

lập các công cụ để xác định, phân tích và quản trị rủi ro có liên quan đến tiến trình đạt được mục tiêu của tổ chức.

+ Hoạt động kiểm soát: bao gồm các chính sách và thủ tục như phê chuẩn, ủy quyền, kiểm tra, đối chiếu, soát xét việc thực hiện, bảo vệ tài sản, phân chia trách nhiệm, được thiết lập và thực hiện nhằm đảm bảo các hướng dẫn của ban quản lý được thực thi. Các hoạt động kiểm soát định hướng vào việc đối phó với rủi ro để đạt được mục tiêu của tổ chức.

+ Thông tin và truyền thông: hệ thống thông tin cung cấp các báo cáo với các thông tin về hoạt động, thông tin về tài chính và thông tin về tình tuân thủ luật pháp. Truyền thông được thực hiện trong toàn tổ chức và cần thiết cho nội bộ và cả các đối tượng bên ngoài như khách hàng, nhà cung cấp, cơ quan pháp luật, nhà đầu tư...

Thông tin và truyền thông hỗ trợ các thành viên của tổ chức thu thập và trao đổi thông tin cần thiết để thực hiện, quản lý và kiểm soát hoạt động của tổ chức.

+ Giám sát: là một tiến trình đánh giá chất lượng của việc thực hiện của hệ thống kiểm soát. Việc giám sát được thực hiện qua việc giám sát thường xuyên, hay các đánh giá độc lập.

Theo COSO 1992, hệ thống kiểm soát nội bộ là một quá trình, còn tính hữu hiệu là một trạng thái hay điều kiện của quá trình có hiệu lực tại một thời điểm. Việc xác định một hệ thống kiểm soát nội bộ có hữu hiệu hay không là một xét đoán chủ quan xuất phát từ sự đánh giá mức độ hoạt động hữu hiệu của 5 bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ. Vì vậy, các bộ phận của hệ thống kiểm soát nội bộ chính là tiêu chuẩn để đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ. Trong thực tế, để đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ, điều cần thiết là phải thiết kế một chương trình đánh giá 5 bộ phận tương

thích với từng trường hợp cụ thể.

►► **Mô hình Quản trị rủi ro doanh nghiệp theo COSO (2004)**

Tháng 9 năm 2004, COSO lại đưa ra mô hình quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM)5 như một mô hình mở rộng của hệ thống kiểm soát nội bộ theo COSO 1992. Mô hình này hướng đến phạm vi rộng hơn liên quan đến vấn đề quản trị rủi ro doanh nghiệp. Theo COSO, mô hình quản trị rủi ro doanh nghiệp (2004) không phải là mô hình thay thế cho hệ thống kiểm soát nội bộ (1992) mà là bổ sung các nội dung đầy đủ hơn giúp cho tiến trình quản trị rủi ro doanh nghiệp.

Theo COSO 2004, “Quản trị rủi ro doanh nghiệp là một tiến trình, bị chi phối bởi hội đồng quản trị, ban quản lý và các nhân viên của đơn vị, được áp dụng trong việc xác định chiến lược toàn diện của doanh nghiệp, được thiết kế để xác định các sự kiện tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến đơn vị, và quản trị rủi ro trong phạm vi rủi ro chấp nhận được nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý để đạt được các mục tiêu của đơn vị”

Mô hình COSO 2004 đưa ra bốn mục tiêu:

- + Chiến lược - mục tiêu chung theo sứ mạng của doanh nghiệp,
- + Hoạt động - tính hữu hiệu và hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn lực,
- + Báo cáo - tính đáng tin cậy của các báo cáo,
- + Tuân thủ - tuân thủ các luật lệ và quy định.

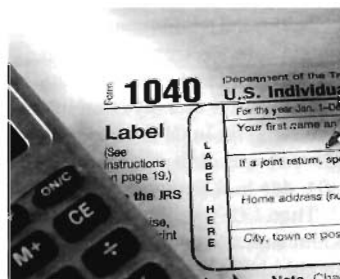
Mô hình Quản trị rủi ro doanh nghiệp (2004) gồm tám (8) bộ phận bao gồm:

Môi trường nội tại: bao gồm đặc tính của tổ chức, và hệ thống các cơ sở liên quan đến việc nhận diện và định hướng rủi ro của các thành viên trong tổ chức, như là triết lý quản lý và rủi ro chấp nhận được, tính chính trực và giá trị đạo đức.

+ Thiết lập mục tiêu: Mục tiêu phải hiện hữu trước khi các nhà quản lý có thể xác định các sự

kiện tiềm ẩn ảnh hưởng đến vấn đề đạt được mục tiêu. Tiến trình quản trị rủi ro doanh nghiệp cần đảm bảo là các nhà quản lý xác định mục tiêu và mục tiêu được lựa chọn phải hỗ trợ sứ mệnh của tổ chức và nhất quán với rủi ro chấp nhận được.

+ Xác định sự kiện: Các sự kiện bên ngoài và nội bộ ảnh hưởng đến tiến trình đạt được mục tiêu của tổ chức cần phải được xác định, phân biệt giữa rủi ro và cơ hội. Cơ hội sẽ tác động lại chiến lược hay tiến trình xác định mục tiêu của các nhà quản lý.



+ Đánh giá rủi ro: Rủi ro phải được phân tích, xem xét mức độ ảnh hưởng, như một cơ sở để xác định cách thức quản trị rủi ro. Rủi ro được đánh giá là rủi ro tiềm tàng và rủi ro còn lại sau khi đã thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro.

+ Đối phó rủi ro: Ban quản lý cần chọn lựa các biện pháp quản trị rủi ro như tránh né, chấp nhận, giảm hay chia sẻ rủi ro, thiết lập hệ thống các hành động tương ứng với mức độ sai lệch rủi ro đánh giá và rủi ro chấp nhận.

+ Hoạt động kiểm soát: Các chính sách và thủ tục được thiết lập và thực hiện nhằm hỗ trợ việc quản trị rủi ro được thực hiện hữu hiệu.

+ Thông tin và truyền thông: Thông tin thích hợp cần phải được xác định, thu thập, và cung cấp theo nội dung và thời gian thích hợp nhằm hỗ trợ cho các nhân viên thực hiện trách nhiệm của họ. Truyền thông cần thực hiện hữu hiệu trong toàn tổ chức

+ Giám sát: Toàn bộ tiến trình quản trị rủi ro cần được giám sát và khi cần thiết cần thực hiện điều chỉnh. Giám sát cần được thực hiện thường xuyên và đánh giá độc lập.

Để đánh giá mô hình “quản trị rủi ro doanh nghiệp” của một tổ chức, theo COSO 2004, cần phải xác định sự hiện hữu của 8 bộ phận và tính hữu hiệu trong việc thực hiện các chức năng của từng bộ phận. Vì vậy, các bộ phận này có thể được xem là tiêu chuẩn để đánh giá vấn đề quản trị rủi ro của tổ chức.

Mức độ đảm bảo của dịch vụ kiểm toán

Theo khuôn mẫu quốc tế về dịch vụ đảm bảo, hai loại dịch vụ đảm bảo mà kiểm toán viên được phép thực hiện là dịch vụ đảm bảo hợp lý và dịch vụ đảm bảo vừa phải. Mục tiêu của dịch vụ đảm bảo hợp lý là nhằm giảm rủi ro của dịch vụ đảm bảo ở mức thấp có thể chấp nhận, tuy nhiên đảm bảo hợp lý là đảm bảo ở mức độ cao nhưng không phải là tuyệt đối. Còn mục tiêu của dịch vụ đảm bảo vừa phải là nhằm giảm rủi ro của dịch vụ đảm bảo ở mức độ có thể chấp nhận nhưng rủi ro sẽ cao hơn so với dịch vụ đảm bảo hợp lý.

Vấn đề đặt ra và được quan tâm hiện nay là mức độ đảm bảo nào là thích hợp đối với dịch vụ kiểm toán về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ? Kết quả nghiên cứu về mức độ đảm bảo độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ đã được đề cập đến trong quy định pháp luật, chuẩn mực chuyên môn tại một số quốc gia trong những năm vừa qua cho thấy:

- Tại Úc, chuẩn mực kế toán 810 “Các báo cáo với mục đích đặc biệt về tính hữu hiệu của các thủ tục kiểm soát” (AUS 810) ban hành năm 1999 cung cấp hướng dẫn liên quan đến báo cáo về tính hữu hiệu của các thủ tục kiểm soát. Theo AUS 810, dịch vụ đảm bảo này có thể được xem là dịch vụ kiểm toán (đảm bảo hợp lý),

dịch vụ soát xét (đảm bảo vừa phải), hoặc dịch vụ theo cơ sở thỏa thuận trước (không đảm bảo).

- Tại Anh quốc, năm 2001, một văn bản sơ lược của Ủy ban thực hành kiểm toán với tựa đề “Cung cấp dịch vụ đảm bảo về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ” (APB 2001) trình bày các yếu tố của việc cung cấp sự đảm bảo về hệ thống kiểm soát nội bộ. Văn bản này đưa ra sự phân biệt rõ ràng việc cung cấp dịch vụ đảm bảo về thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ và cung cấp dịch vụ đảm bảo về hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ so với thiết kế. Theo báo cáo này, sự đảm bảo hợp lý chỉ có thể đưa ra đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, không thể đưa ra đảm bảo hợp lý đối với việc thiết kế hệ thống.

- Đạo luật Sarbanes-Oxley năm 2002 tại Mỹ yêu cầu kiểm toán viên phải xác nhận và báo cáo đánh giá của ban giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ. Điều khoản 404 (b) của đạo luật này lưu ý rằng sự xác nhận phải được thực hiện tham chiếu theo các chuẩn mực về dịch vụ xác nhận công bố bởi Ủy ban Giám sát Kế toán các công ty công (PCAOB)11 và dịch vụ xác nhận này không phải là dịch vụ tách biệt với dịch vụ kiểm toán. Nhằm thực hiện yêu cầu này, tháng 6 năm 2004, PCAOB công bố chuẩn mực kiểm toán số 2 “Kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến báo cáo tài chính kết hợp với kiểm toán báo cáo tài chính” 12. Theo chuẩn mực này, các thủ tục mà kiểm toán viên sử dụng phải cung cấp mức “đảm bảo hợp lý” là hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng là đầy đủ và thích hợp.

Mặc dù có vài điểm khác biệt về mức độ đảm bảo đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, nhưng các chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo đều thống nhất các “giới hạn tiềm tàng” là lý do mà kiểm toán viên không thể cung cấp sự “đảm bảo tuyệt đối” về độ tin cậy của hệ thống kiểm soát

nội bộ. Giới hạn tiềm tàng chủ yếu là tính hữu hiệu của các thủ tục kiểm soát thể hiện trạng thái tại một thời điểm. Bất kỳ dự đoán nào để đánh giá sự hữu hiệu của các thủ tục kiểm soát trong tương lai đều có thể dẫn đến rủi ro khi thủ tục không còn thích hợp do sự thay đổi của điều kiện hoạt động hay sự sút giảm về mức độ tuân thủ các thủ tục kiểm soát.

Sự cần thiết của báo cáo kiểm toán về tính hữu hiệu hệ thống kiểm soát nội bộ tại Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam đang phát triển và từng bước hội nhập vào nền kinh tế thế giới, thị trường chứng khoán tại Việt Nam còn khá mới mẻ nhưng các nhiệm vụ liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ của các công ty niêm yết là vấn đề thực sự cần cảnh báo. Bên cạnh một hệ thống kiểm soát nội bộ chưa đầy đủ và thích hợp với các mục tiêu đặt ra, tại các công ty niêm yết, các vấn đề như ban giám đốc lạm quyền, hội đồng quản trị và ban kiểm soát không độc lập và thiếu năng lực giám sát, tiến trình đánh giá rủi ro yếu kém hoặc không hữu hiệu, thiếu thủ tục kiểm soát,...vẫn tồn tại trong hoạt động kinh doanh hàng ngày.

Bài học về sự sụp đổ của các tập đoàn trên thế giới và thực trạng tại các công ty niêm yết ở Việt Nam hiện nay đòi hỏi:

- Tại các công ty niêm yết, ban giám đốc cần lập một báo cáo trách nhiệm về việc thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và thích hợp nhằm đánh giá năng lực và trách nhiệm của ban giám đốc trong việc duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu và cung cấp sự đảm bảo hợp lý tiến trình đạt được mục tiêu của tổ chức.

- Yêu cầu kiểm toán về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ phải là yêu cầu bắt buộc được quy định bởi pháp luật nhằm bảo vệ các nhà đầu tư và

hỗ trợ phát triển một thị trường tài chính lành mạnh, minh bạch.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cần ban hành chuẩn mực kiểm toán đối với dịch vụ kiểm toán về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ, chuẩn mực này cần đưa ra các quy định có liên quan như tiêu chuẩn đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ (theo mô hình kiểm soát nội bộ COSO 1992), phương pháp đánh giá, hình thức báo cáo kiểm toán,... và mức độ đảm bảo của dịch vụ kiểm toán về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ phải là sự đảm bảo hợp lý.

Sự đảm bảo hợp lý từ dịch vụ kiểm toán tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ là cơ sở kết luận rằng khả năng mà việc vi phạm trọng yếu các chính sách và thủ tục kiểm soát không được ngăn ngừa và phát hiện là rất thấp. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng hệ thống kiểm soát nội bộ được kiểm toán viên xác nhận là hữu hiệu cũng không phải là “phương thuốc chữa bách bệnh” cho tất cả các vấn đề của doanh nghiệp. Hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu chỉ có thể “đảm bảo hợp lý” đạt được mục tiêu của tổ chức. Hệ thống kiểm soát nội bộ không thể bảo đảm tuyệt đối ngăn ngừa các sai phạm của các thành viên, sự xet đoán sai hay các thành viên cố ý thông đồng vượt qua các thủ tục kiểm soát. Giới hạn tiềm tàng của hệ thống kiểm soát nội bộ chỉ có thể được giải quyết từ vấn đề “con người”. **KT**

Tài liệu tham khảo

- 1. AUASB, AUS 810 “Special Purpose Reports on the Effectiveness of Control Procedures”, 1999
- 2. COSO, Internal control-integrated Framework, 1992
- 3. CPA Australia, CPA 101-Assurance Services and Auditing, 2008
- 4. IFAC, Internal Controls- A Review of Current Development, 2006
- 5. IFAC, International Framework for Assurance Engagement, 2005